TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05.7.2017
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Quốc Thái
2. Bà Trần Thị Ngọ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận*** *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Kim Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2017/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị Nhật T, sinh năm 1972(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn là chị Đỗ Thị Nhật T bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn K tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Khoảng thời gian gần đây giữa hai anh chị nãy sinh mâu thuẫn nghiêm trọng làm cho tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Các con chung Nguyễn Quang V, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành và có khả

năng lao động, không tranh chấp. Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh K cũng thừa nhận hai anh chị tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1991 đến nay chưa đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý vì không thể sống chung với nhau được nữa. Hai con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Sau khi xem các tài liệu có tại hồ sơ, nghe chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do chị T và anh K sống chung với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh K có nơi cư trú tại thôn A, xã S, huyện H, Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận. Anh K và chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị sống vui vẻ hạnh phúc trong quãng thời gian đầu, đến thời gian gần đây phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng không còn. Do tình cảm giữa hai người không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với nhau nên chị T yêu cầu xin ly hôn và anh K cũng đồng ý. Xét thấy, chị T và anh K có quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị T yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh K.

3. Về con chung: Các con chung Nguyễn Quang V, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm 1995 đã trưởng thành và có khả năng lao động, không tranh chấp.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân sẽ được HĐXX xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Nhật T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, không tranh chấp.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Nhật T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011416 ngày 07.6.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Chị Đỗ Thị Nhật T và anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phú Phước